

Bảng dữ liệu sản phẩm

1165 Series — AMR/AGV-4 BÁNH XE CÀNG XOAY (TẢI VỪA) Ổ BÌ CHÍNH XÁC ĐƠN

Lốp ZQPU (Milled Blue)đường kính lốp × chiều rộng lốp 50 × 20 (41.5) mm

EAN

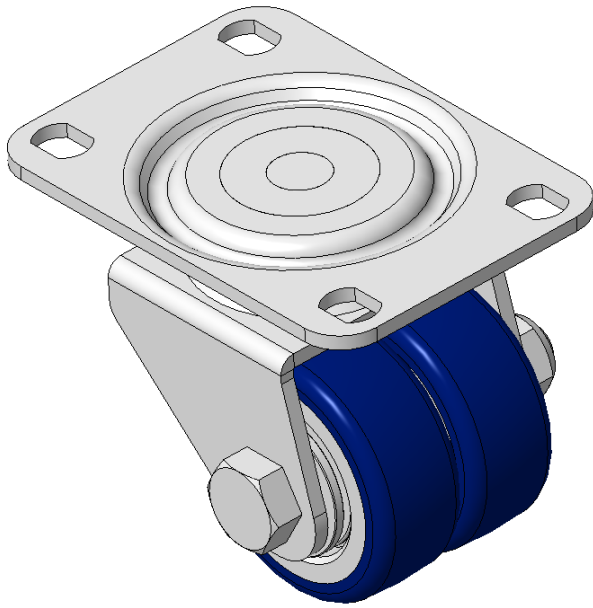
KS-11650204802013

Bánh xe xoay với khung thép hàn, hoàn thiện mạ kẽm  
Lắp đế, khoảng cách lỗ 75x45  
Lõi bánh xe bằng gang, gai polyurethane chất lượng cao, phay màu xanh  
Vòng bi bánh xe—vòng bi chính xác đặc biệt giúp giảm lực cản khi vận hành  
Bánh xe kép ZQPU, thiết kế công thái học giúp khởi động và quay đầu dễ dàng hơn

Mặt bánh xe: Được làm bằng polyurethane chất lượng cao

Lõi bánh xe: lõi sắt/gang

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

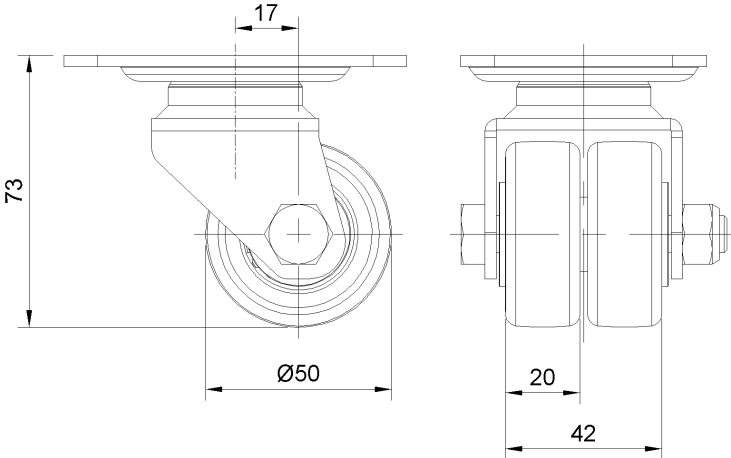
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                             |                               |
|---------------------------------------------|-------------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét | <input type="radio"/> đế quốc |
| Đường kính bánh xe                          | 50mm                          |
| Chiều rộng bánh xe                          | 41.5mm                        |
| vòng bi bánh xe                             | Bánh xe trang bị vòng bi bi   |
| Quy cách tấm lắp                            | 92 x 66mm                     |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền             | 75 x 45mm                     |
| Khoảng cách các lỗ lắp                      | 11.1 x 8.6mm                  |
| Độ lệch tâm                                 | 17mm                          |
| Sự can thiệp quay                           | 108mm                         |
| Tổng chiều cao                              | 73mm                          |
| Bán kính xoay                               | 54mm                          |
| Độ cứng                                     | 87±5° Shore A                 |
| Tải trọng (động)                            | 70kgs                         |
| Tải trọng (tĩnh)                            | 105kgs                        |
| Nhiệt độ                                    | -20°C to +70°C                |
| Càng bánh xe                                | Xoay                          |
| Thép không gỉ                               | N/A                           |
| Dẫn điện                                    | N/A                           |
| Chống tĩnh điện                             | N/A                           |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                     | 1.25kgs                       |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                      | ISO22883                      |

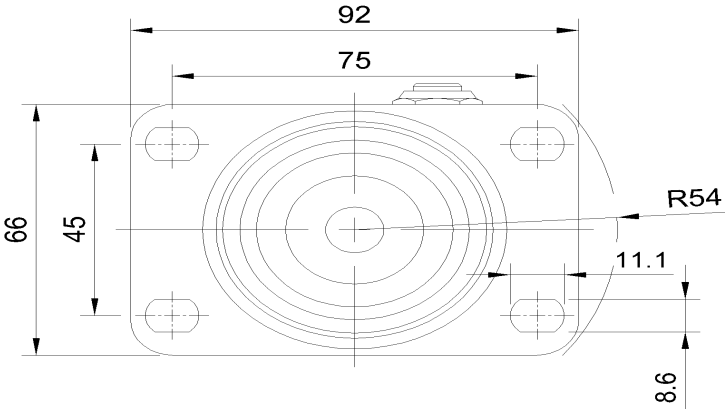
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | • • • • • |
| Chế độ im lặng       | • • • • • |
| Bảo vệ mặt sàn       | • • • • • |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét